

Bản án số: 81/2026/DS-PT

Ngày: 29 - 01 - 2026

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn A Đam

Bà Tiêu Hồng Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Xuân Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Màu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 505/2025/TLPT-DS ngày 11 tháng 11 năm 2025 về việc: Tranh chấp hợp đồng mua bán.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 75/2025/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 639/2025/QĐ-PT ngày 24 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV T; Địa chỉ: Số B, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là số B, ấp B, phường L, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Mỹ M, sinh năm: 1999 và chị Huỳnh Thị Thúy N, sinh năm: 1985. (Văn bản uỷ quyền ngày 01/3/2025, bà M có mặt).

- Bị đơn: Ông Phạm Hoàng Q, sinh năm: 1985 và bà Nguyễn Liễu H, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là ấp Á, xã H, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Đông D, sinh năm 1978 và ông Nguyễn Ngọc Q1, sinh năm 1994, (Văn bản uỷ quyền ngày 27/6/2025, ông D có mặt):

Cùng địa chỉ: Số B, đường T, khóm D, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là Số B, đường T, khóm D, phường T, tỉnh Cà Mau).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thúy L, sinh năm 1968; Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là Ấp Thị Tường A, xã H, tỉnh Cà Mau), (vắng).

Người kháng cáo: Ông Phạm Hoàng Q, bà Nguyễn Liễu H, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/3/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 25/3/2019, Doanh nghiệp T1 nay đổi thành Công ty TNHH T (gọi tắt là Công ty T) với Hộ kinh doanh H2 (do ông Phạm Hoàng Q làm chủ hộ) ký hợp đồng Đại lý. Theo hợp đồng, ông Phạm Hoàng Q và bà Nguyễn Liễu H nhận làm Đại lý cho Doanh nghiệp T1 tiêu thụ các sản phẩm thức ăn cho tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt H1 và các loại thuốc thủy sản. Thanh toán trả bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản ngân hàng. Thời hạn thanh toán dứt điểm vào ngày 25/12/2019. Giới hạn công nợ cao nhất là 4.500.000.000 đồng nếu vượt quá giới hạn này thì nguyên đơn có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã tiến hành giao thức ăn, thuốc thủy sản và bắt theo đơn đặt hàng của ông Q và bà H. Từ năm 2020 đến năm 2024, Công ty T ký hợp đồng trực tiếp với ông Q và bà H.

Năm 2024 công nợ vượt quá mức giới hạn theo hợp đồng, bà Nguyễn Thúy L (là mẹ ruột của bà Nguyễn Liễu H) đã ký hợp đồng thế chấp tài sản là xe ô tô theo Giấy đăng ký xe ô tô số 69000497 do Công an huyện C cấp ngày 03/11/2023, nhãn hiệu ô tô HINO, loại xe Tải bảo ôn, số máy J05ETE16948, số khung RNJFC9JJSHXX19790, Biển số 69C-085.95 để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho ông Q và bà H.

Do ông Q và bà H không thanh toán nợ theo thỏa thuận nên tháng 6/2024 Công ty T ngưng cung cấp hàng hóa, ông Q và bà H còn nợ Công ty T 5.632.156.000 đồng.

Nay Công ty T yêu cầu ông Q và bà H và bà L phải liên đới trả cho Công ty T 5.632.156.000 đồng và tiền lãi chậm trả 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) từ tháng 7/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm. Trường hợp ông Q, bà H và bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Công ty T yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ cho Công ty T.

Bị đơn ông Phạm Hoàng Q trình bày:

Năm 2016 đến năm 2021 ông và bà Nguyễn Liễu H có ký hợp đồng đại lý với Công ty T. Từ năm 2022 đến năm 2024 vợ chồng ông ký hợp đồng mua bán với Công ty T. Số nợ theo nguyên đơn yêu cầu là 5.632.156.000 đồng theo bảng đối chiếu công nợ tháng 6/2024 là đúng. Tuy nhiên số nợ này chưa được chiết khấu, cụ thể: sản lượng 47 tấn 620kg chiết khấu là 10.000 đồng/kg số tiền 476.200.000 đồng, đối trừ thì vợ chồng ông chỉ còn nợ Công ty T 5.155.956.000 đồng và đồng ý trả số tiền này.

Riêng bà Nguyễn Thúy L chỉ thế chấp đăng ký xe ô tô do bà L đứng tên để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thanh toán công nợ cho vợ chồng ông, không phải nợ chung của bà L với vợ chồng ông. Xe này bà L vẫn đang quản lý, sử dụng, không có thế chấp, cầm cố, chuyển nhượng cho bất kỳ ai, còn bản chính Giấy đăng ký xe ô tô do Công ty T đang giữ.

Đối với khoản tiền lãi chậm trả, ông không đồng ý lý do Công ty T ngưng cung cấp thức ăn tôm và thuốc thủy sản cho vợ chồng ông.

Bà Nguyễn Liễu H thống nhất ý kiến của ông Phạm Hoàng Q.

Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 17/7/2025 bà Nguyễn Thúy L trình bày:

Cửa hàng kinh doanh thức ăn tôm (Đại lý H3) địa chỉ ấp T, xã H, tỉnh Cà Mau do con rể của bà là ông Phạm Hoàng Q làm chủ. Thức ăn tôm được Công ty T cung cấp và bán lại cho người nuôi tôm. Để đảm bảo khoản nợ, ngày 05/01/2024 ông Q nhờ bà ký hợp đồng thế chấp xe ô tô, biển số 69C-085.95 do bà đứng tên với Công ty T, giá trị thế chấp là 300.000.000 đồng.

Ngày 10/6/2024 bà đưa cho ông Q số tiền 300.000.000 đồng để trả cho Công ty T nhưng Công ty T không trả giấy tờ xe lại cho bà và thanh lý hợp đồng thế chấp.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 75/2025/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau đã quyết định:

Chấp nhận một yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV T. Buộc bị đơn ông Phạm Hoàng Q và bà Nguyễn Liễu H thanh toán cho nguyên đơn số tiền 6.270.718.500 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà Nguyễn Thúy L liên đới cùng với bị đơn thanh toán cho nguyên đơn 6.270.718.500 đồng.

Về xử lý tài sản thế chấp: Tiếp tục duy trì tài sản thế chấp để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn gồm Giấy đăng ký xe ô tô số 69000497 do Công an huyện C cấp ngày 03/11/2023 do bà Nguyễn Thúy L đứng tên, biển số 69C-085.95, nhãn hiệu HINO, loại xe Tải bảo ôn, số máy J05ETE16948, số khung RNJFC9JJSX19790.

Nguyên đơn phải trả cho bà Nguyễn Thúy L Giấy đăng ký xe ô tô (bản chính) theo hợp đồng thế chấp khi các nghĩa vụ được bảo đảm bằng tài sản này đã được thanh toán xong.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thanh toán, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 03 tháng 9 năm 2025, bị đơn ông Phạm Hoàng Q và bà Nguyễn Liễu H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH MTV T số tiền 6.270.718.500 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện nguyên đơn, bà M trình bày: Không đồng ý kháng cáo của bị đơn; căn cứ Hợp đồng ký kết ngày 01/01/2024 thì bị đơn không được hưởng chiết khấu; bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn có quyền đơn phương chấm dứt cung cấp hàng hóa mà không cần báo trước.

- Đại diện bị đơn, ông D trình bày: Yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm, bị đơn đồng ý thanh toán nợ cho nguyên đơn theo như đối chiếu vào tháng 6/2024, nhưng phải khấu trừ chiết khấu khoảng 01 tỷ đồng và không tính lãi suất từ tháng 7/2024; bởi vì theo như thỏa thuận Hợp đồng thì bị đơn được chiết khấu và bị đơn không vi phạm nghĩa vụ thanh toán, do nguyên đơn tự ý cắt, không giao hàng cho bị đơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Phạm Hoàng Q và bà Nguyễn Liễu H hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo,

[2.1] Xét kháng cáo về yêu cầu khấu trừ chiết khấu: Hồ sơ thể hiện: bị đơn ông Phạm Hoàng Q, bà Nguyễn Liễu H và Công ty TNHH MTV T (viết tắt Công ty) có ký Hợp đồng mua bán thức ăn cho tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt H1, các nhãn hiệu khác và các loại thuốc thủy sản do bên Công ty kinh doanh. Ông Q, bà H xác nhận, tính đến tháng 6/2024, ông bà nợ Công ty số tiền 5.632.156.000đ, ông bà đồng ý thanh toán, nhưng phải khấu trừ tiền chiết khấu theo thỏa thuận của Hợp đồng, với sản lượng hàng hóa tiêu thụ là 47 tấn 620kg, tổng số tiền được chiết khấu 1.032.830.000đ; sau khi đối trừ, số tiền còn lại 4.599.326.000đ ông bà đồng ý thanh toán, nhưng không đồng ý trả lãi suất do chậm thanh toán trên số này vì ông bà không vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Xem xét về chiết khấu quy định tại mục 3.1 của Hợp đồng mua bán ký ngày 01/01/2024, có nội dung:

- Đến ngày 25/12/2024 bên B thanh toán giảm thêm 1 tỷ công nợ của năm trước sẽ được hưởng mức chiết khấu 11.000đ.

- Đến ngày 25/12/2024 bên B thanh toán giảm thêm 500 triệu đồng công nợ của năm trước sẽ được hưởng mức chiết khấu 10.500đ.

- Chiết khấu Đ bán một mặt hàng: 1000đ/kg.

- Trường hợp đến ngày 25/12/2024, bên B không thanh toán dứt điểm công nợ phát sinh năm nay cho bên A hoặc bên B vi phạm bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này thì bên B sẽ không được tính (*mất hoàn toàn*) tất cả các loại chiết khấu.

- Tất cả quy định về chính sách chiết khấu tại khoản 3.1 Hợp đồng này chỉ áp dụng đối với công nợ phát sinh năm 2024 (từ 01/01/2024 đến 31/12/2024).

Căn cứ vào các điều khoản trên, thì phía bị đơn vi phạm nội dung quy định về chiết khấu, cụ thể khoản nợ mà Công ty khởi kiện là nợ của những năm từ 2019 đến 2024 và bị đơn không thanh toán dứt điểm công nợ phát sinh năm 2024; do đó, Công ty không chấp nhận tính chiết khấu cho bị đơn là đúng với thỏa thuận Hợp đồng.

[2.2] Xét kháng cáo đối với yêu cầu không đồng ý trả lãi suất

Hợp đồng mua bán ký ngày 01/01/2024, tại mục 3.3 về “Giới hạn công nợ” thể hiện: Nếu bên B không thanh toán được công nợ về mức giới hạn tháng theo quy định tại mục 3.3.1 (giới hạn công nợ cao nhất 4,5 tỷ đồng) thì bên A có quyền cắt hàng, đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không cần báo trước. Đồng thời yêu cầu bên B phải thanh toán toàn bộ công nợ còn tồn đọng và bên B phải chịu thêm phần lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật kể từ thời điểm ngưng giao dịch.

Theo như điều khoản này, kể từ khi đối chiếu nợ tháng 6/2024 bị đơn không thanh toán tiền hàng với số tiền vượt mức giới hạn, Công ty có quyền cắt hàng mà không cần báo trước, Công ty đã cắt hàng từ tháng 7/2024, cho nên bị đơn phải chịu lãi suất từ thời điểm Công ty cắt hàng là phù hợp với thỏa thuận của Hợp đồng. Thời gian tính lãi từ tháng 7/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ, mức lãi 10%/năm (0,83%/tháng) là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Tiền lãi được tính: $5.632.156.000đ \times 0,83\%/tháng \times 13 \text{ tháng } 20 \text{ ngày} = 638.562.500đ$ (làm tròn).

[3] Do bị đơn không thực hiện theo thỏa thuận của Hợp đồng, cho nên bản án sơ thẩm căn cứ vào điều khoản của Hợp đồng ngày 01/01/2024, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn vốn, lãi với tổng số tiền $5.632.156.000đ + 638.562.500đ = 6.270.718.500đ$ là có căn cứ; do đó, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm đúng như đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm đương sự phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Phạm Hoàng Q, Nguyễn Liễu H; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 75/2025/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV T. Buộc bị đơn ông Phạm Hoàng Q và bà Nguyễn Liễu H thanh toán cho nguyên đơn số tiền 6.270.718.500 đồng (*Sáu tỷ, hai trăm bảy mươi triệu, bảy trăm mười tám nghìn năm trăm đồng*).

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà Nguyễn Thúy L liên đới cùng với bị đơn thanh toán cho nguyên đơn 6.270.718.500 đồng.

- Về xử lý tài sản thế chấp: Tiếp tục duy trì tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp ngày 05/01/2024 giữa Công ty TNHH MTV T với bà Nguyễn Thúy L để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn gồm Giấy đăng ký xe ô tô số 69000497 do Công an huyện C cấp ngày 03/11/2023 do bà Nguyễn Thúy L đứng tên, biển số 69C-085.95, nhãn hiệu HINO, loại xe Tải bảo ôn, số máy J05ETE16948, số khung RNJFC9JJSX19790.

- Nguyên đơn phải trả cho bà Nguyễn Thúy L Giấy đăng ký xe ô tô (bản chính) theo hợp đồng thế chấp khi các nghĩa vụ được bảo đảm bằng tài sản này đã được thanh toán xong.

2. Về án phí

2.1- Án phí dân sự sơ thẩm

- Buộc bị đơn ông Phạm Hoàng Q, bà Nguyễn Liễu H phải chịu 114.271.000 đồng (làm tròn), (chưa nộp).

- Nguyên đơn không phải nộp án phí, ngày 22/4/2025 nguyên đơn đã dự nộp 56.999.000 đồng theo Biên lai thu số 0019426 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 4 – Cà Mau) được nhận lại toàn bộ.

2.2- Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải chịu, ông Phạm Hoàng Q và bà Nguyễn Liễu H đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0012157 ngày 04/9/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

3. Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 4 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hiền